

Số: 06/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2016

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 4 Điều 11 Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (sau đây gọi tắt là Nghị định số 136/2013/NĐ-CP);

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội khóa XIII: số 99/2015/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2015 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2016 và số 101/2015/QH13 ngày 14 tháng 11 năm 2015 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2016;

Thực hiện Quyết định số 2100/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2016;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư liên tịch sửa đổi Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP (sau đây gọi là tắt là Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 4 Điều 11 Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC

1. Khoản 2 Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Các chế độ, chính sách trợ giúp xã hội khác ngoài trợ cấp xã hội hàng tháng đối với đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này được hưởng mức và hệ số quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.”

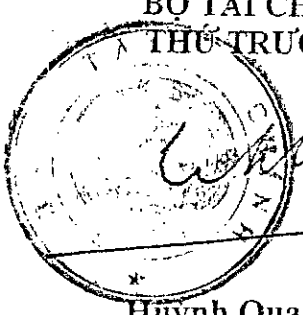
2. Khoản 4 Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“4. Đối tượng trợ giúp xã hội thường xuyên không thuộc diện quy định tại Khoản 1 Điều này; đối tượng trợ giúp đột xuất và các đối tượng khác được hưởng các chế độ quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.”

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.
2. Đối tượng quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 1 Thông tư liên tịch này không phải làm lại hồ sơ. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội căn cứ vào hồ sơ lưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chỉnh mức và hệ số phù hợp với từng đối tượng.
3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các Bộ, ngành, địa phương phản ánh kịp thời về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết. /

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
THỦ TRƯỞNG**



Huỳnh Quang Hải

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI
THỦ TRƯỞNG**



Nguyễn Trọng Đàm

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng;
- Thủ tướng CP, các Phó TTCP;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- VP Quốc hội, VP Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban Giám sát Tài chính quốc gia;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước, Sở LĐTBXH các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ LĐTBXH, Bộ TC;
- Các đơn vị thuộc Bộ LĐTBXH, BTC;
- Lưu VT: Bộ LĐTBXH, Bộ Tài chính (450b).

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 901/SY-UBND

Bình Định, ngày 23 tháng 6 năm 2016

Nơi nhận:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Sở Tài chính;
- PVPNN, K20;
- Lưu: VT (04b).

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Đức Thi